

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST

Ngày: 27/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 29/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 14/8/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số D, Khu phố H, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083181002142; danh chỉ bản số: 63 lập ngày 03/6/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: nội trợ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Võ Thị K; chồng: Lê Thanh T; con: có 03 người con sinh năm 2000, 2013 và 2025.

Tiền án: có **08 tiền án**:

- Tại Bản án Số 45/HSST ngày 27/9/2000 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại Bản án số 68/HSST ngày 21/12/1999 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long), buộc chấp hành hình phạt chung là 21 tháng tù.

- Tại Bản án Số 42/HSST ngày 16/5/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù tại Bản án số 45/HSST ngày 27/9/2000 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long), buộc chấp hành hình phạt chung là 51 tháng tù.

- Tại Bản án Số 32/HSST ngày 10/9/2002 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối

với Nguyễn Thị Thu H 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 51 tháng tù tại Bản án số 42/HSST ngày 16/5/2001 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, buộc chấp hành hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù. H đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/4/2008.

- Tại Bản án Số 24/2009/HSST ngày 20/3/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. H đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/6/2012.

- Tại Bản án Số 81/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án Số 02/2014/HSST ngày 13/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án số 81/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long), buộc chấp hành hình phạt chung là 03 năm 03 tháng tù.

- Tại Bản án Số 15/2015/HSST ngày 22/01/2015 của **Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh** tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 03 năm 03 tháng tù tại Bản án số 02/2014/HSST ngày 13/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long), buộc chấp hành hình phạt chung là 07 năm 03 tháng tù. H đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/4/2021.

- Tại Bản án Số 25/2022/HSST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 02 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, H đã chấp hành xong Bản án vào ngày 05/6/2024.

Tiền sự: không:

Nhân thân:

- Tại Quyết định Số 1331/QĐ-UB ngày 16/11/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh V) Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng đối với Nguyễn Thị Thu H thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân, H đã chấp hành xong.

- Tại Bản án Số 68/HSST ngày 21/12/1999 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) tuyên phạt đối với Nguyễn Thị Thu H 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. H đã nộp xong án phí vào ngày 04/4/2000 và chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/4/2008.

Bị cáo bị C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2025 cho đến nay.

- *Bị hại:* Trần Thị Diễm P, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A, Khu phố I, phường A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Lê Thanh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số D, Khu phố H, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* Ngô Thanh T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H là người có 08 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm: khoảng 08 giờ 20 phút ngày 07/04/2025, H điều khiển xe mô tô Biển số 71V1 - 1138, màu đỏ đen, hiệu AIR BLADE đi từ Nhà Số D Khu phố B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Nhà Số D, nay là Khu phố H, phường P, tỉnh Vĩnh Long) lưu thông trên đường N, qua Cầu C, đến Ngã tư T rẽ trái ra đường H đến Chợ Đ ở Khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố I, phường P, tỉnh Vĩnh Long), H dừng xe phía bên phải trên đường H, ghé vào xe bán cam phía đối diện với khu vực cổng chính Chợ Đ để mua cam. Trong lúc lựa cam, H đứng kế bên trái của bà Trần Thị Diễm P, sinh năm 1968, ĐKTT: Số A, Khu phố I, phường A, thành phố B (nay là Khu phố I, phường A, tỉnh Vĩnh Long), H thấy túi áo khoác bên trái của bà P không khóa dây kéo nên H dùng tay phải móc lấy cọc tiền trong túi áo khoác của bà P và bỏ vào túi áo khoác bên phải của H, sau đó H nhanh chóng điều khiển xe mô tô Biển số 71V1 - 1138 chạy ngược về Cầu C để về nhà, H đem cọc tiền vừa chiếm đoạt của bà P để trên đầu tủ nhựa trong phòng ngủ của H tại Nhà Số D. H chưa kiểm tra số tiền trộm được bao nhiêu thì bị Lực lượng Công an mời làm việc. Trước Cơ quan điều tra, H đã khai nhận hành vi phạm tội của H.

Vật chứng thu giữ do Nguyễn Thị Thu H giao nộp: 01 (một) áo khoác màu xám, tay dài, loại áo thun có nón trùm trên đầu dính liền áo; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có vành nón, phía trước nón có chữ TONATO Helmet, phía sau nón có khoảng trống; 01 (một) quần thun ngắn màu đen; 01 (một) cọc tiền được gấp đôi được cột bằng sợi dây thun màu vàng, bên ngoài cọc tiền có tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (hai ngàn đồng), kiểm tra cọc tiền có tổng số tiền 4.703.000 đồng (bốn triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng), gồm: 09 (chín) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng; 03 (ba) tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền giấy mệnh giá 500 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIR BLADE, màu đỏ đen, Biển số 71V1 - 1138.

Ngày 30/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V) đã trả cho bị hại Trần Thị Diễm P số tiền 4.703.000 đồng, bà P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu HONDA, loại AIR BLADE, màu đỏ đen, Biển số 71V1 - 1138, xe do anh Lê Thanh T là chồng của bị cáo H mua xe cũ nhưng chưa làm thủ tục sang tên, kết quả xác minh xe thể hiện chủ xe là Nguyễn Công N, anh Nguyễn K1 đã bán xe cho người khác nhưng không làm thủ tục sang tên nên không có yêu cầu gì, kết quả tra cứu xe mô tô Biển số 71V1 - 1138 cũng không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Đối với 01 (một) áo khoác màu xám, tay dài, loại áo thun có nón trùm trên đầu dính liền áo; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có vành nón, phía trước nón có chữ TONATO Helmet, phía sau nón có khoảng trống; 01 (một) quần thun ngắn màu đen là tư trang của Nguyễn Thị Thu H mặc lúc thực hiện hành vi phạm tội, H không có yêu cầu nhận lại, do áo và quần nêu trên đã cũ, không còn giá trị sử dụng, nên tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu H đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của H phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTPBT ngày 28/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V) đã trả cho bị hại Trần Thị Diễm P số tiền 4.703.000 đồng, bà P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu HONDA, loại AIR BLADE, màu đỏ đen, Biển số 71V1 – 1138 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V xử lý theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu xám, tay dài, loại áo thun có nón trùm trên đầu dính liền áo; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có vành nón, phía trước nón có chữ TONATO Helmet, phía sau nón có khoảng trống; 01 (một) quần thun ngắn màu đen.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Công việc của bị cáo là làm nội trợ, nguồn sống chính của bị cáo là do Lê Thanh T là chồng của bị cáo lao động mà có.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập đúng quy định nhưng vắng mặt, quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 08 giờ 20 phút ngày 07/04/2025, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.703.000 đồng của bà Trần Thị Diễm P tại khu vực Chợ Đ (trên đường H), ở Khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố I, phường P, tỉnh Vĩnh Long).

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt số tiền 4.703.000 đồng của bị hại. Bị cáo có 08 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Bị cáo đã bị kết án, bản án đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 08 tiền án, 01 lần kết án đã được xóa án tích và đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội là phụ nữ có thai”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ”, “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại điểm h, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V) đã trả cho bị hại Trần Thị Diễm P số tiền 4.703.000 đồng, bà P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIR BLADE, màu đỏ đen, Biển số 71V1 – 1138 ông T khai là của ông T mua xe cũ nhưng không có giấy tờ mua bán xe và chưa làm thủ tục sang tên xe, ông T không biết bị cáo dùng xe đi trộm cắp tài sản nên giao xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V làm rõ việc sở hữu xe của ông T và xử lý theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu xám, tay dài, loại áo thun có nón trùm trên đầu dính liền áo; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có vành nón, phía trước nón có chữ TONATO Helmet, phía sau nón có khoảng trống; 01 (một) quần thun ngắn màu đen.

[8] Ngoài làn phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội khác bị Tòa án nhân dân Khu vực 3-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 31/7/2025 nhưng bản án chưa có hiệu lực nên không tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án này mà sẽ tổng hợp ở giai đoạn thi hành án.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIR BLADE, màu đỏ đen, Biển số 71V1-1138 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V làm rõ chủ sở hữu để xử lý theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu xám, tay dài, loại áo thun có nón trùm trên đầu dính liền áo; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng có vành nón, phía trước nón có chữ TONATO Helmet, phía sau nón có khoảng trống; 01 (một) quần thun ngắn màu đen.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2025).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND Phường Phú Khương (1b);
- Bị cáo, NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình